

Báo cáo thị trường tiền tệ

Áp lực tỷ giá gia tăng khi thuế quan được công bố

NHNN bơm thanh khoản đáng kể

Trong tuần 14 năm 2025 (từ 31 tháng 03 đến 04 tháng 04), NHNN tiếp tục bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng với mức độ mạnh hơn nhằm giảm áp lực đáo hạn từ các hợp đồng repo đã phát hành trong những tuần trước. Cụ thể, NHNN đã bơm ròng 14,24 nghìn tỷ đồng trong tuần này, thông qua việc phát hành 64,20 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua lại, bù đắp cho 49,96 nghìn tỷ đồng repo đáo hạn. Không có tín phiếu nào được sử dụng trong tuần.

Lãi suất liên ngân hàng tăng ở các kỳ hạn ngắn

Trong tuần này, đường cong lãi suất liên ngân hàng trở nên phẳng hơn khi lãi suất các kỳ hạn ngắn tăng trong khi các kỳ hạn dài giữ nguyên, kèm theo đó là khối lượng giao dịch tăng so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 2 tuần và 1 tháng lần lượt tăng 8đcb, 5đcb và 15đcb, lên mức 3,95%, 4,25% và 4,33%, trong khi các kỳ hạn khác không thay đổi. Khối lượng giao dịch trung bình đạt 510,55 nghìn tỷ đồng, tăng 5,10% so với tuần trước.

USDVND tăng mạnh

Trong tuần này, tỷ giá USDVND tăng mạnh trong bối cảnh đồng USD suy yếu. Cụ thể, tỷ giá liên ngân hàng USDVND tăng 0.81% (tương đương 208 điểm phần trăm) so với tuần trước, chốt phiên thứ Sáu ở mức 25,785. Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY tăng đầu tuần nhưng đảo chiều giảm, đóng cửa ở mức 103.0 vào thứ Sáu, tương ứng mức giảm 0.98% so với tuần trước. Đồng USD ban đầu tăng giá, nhưng đã giảm mạnh sau khi Mỹ công bố áp thuế quan đối ứng lên hơn 180 quốc gia, làm dấy lên lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế. Những rủi ro này đã thúc đẩy hoạt động bán ròng của khối ngoại trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T10/24	T11/24	T12/24	T1/25	T2/25	T3/25	Corr. ¹
FDI %n/n	7.6	-6.7	22.1	2.0	9.1	9.8	-0.19
Tổng mức bán lẻ %n/n	9.4	8.4	7.0	9.9	9.4	10.8	-0.17
Xuất khẩu %n/n	10.5	8.4	12.9	-4.0	25.7	14.5	-0.13
Nhập khẩu %n/n	13.8	10.4	19.0	-2.6	40.0	19.0	-0.06
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	2.0	1.1	0.5	3.1	-1.5	1.6	-0.12
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.33	0.13	0.29	0.98	0.34	-0.03	-0.06
Tín dụng %n/n	16.7	16.6	15.1	16.1	15.7	16.3	-0.24
USDVND %t/t	2.91	0.25	0.55	-1.59	1.89	0.14	-0.37
PMI(Điểm)	51.2	50.8	49.8	48.9	49.2	50.5	-0.24
VNINDEX %t/t	-1.8	-1.0	1.5	-0.1	3.2	0.1	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN bơm thanh khoản đáng kể	1
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở các kỳ hạn ngắn	3
III. Lợi suất TPCP tăng trên hầu hết các kỳ hạn	4
IV. USDVND tăng mạnh.....	6
Thống kê vĩ mô	9
Phụ lục	10

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

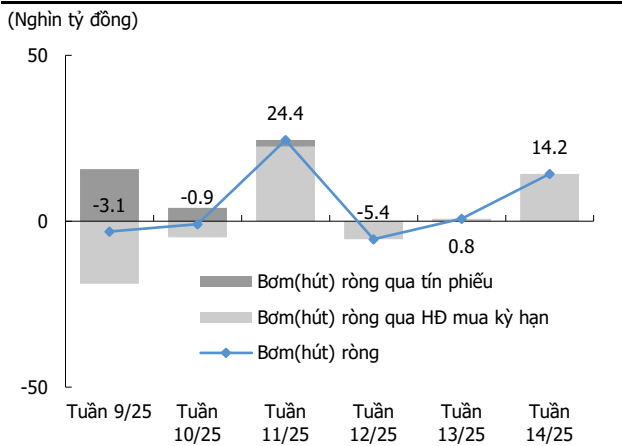
I. NHNN bơm thanh khoản đáng kể

NHNN tăng cường hỗ trợ thanh khoản trong bối cảnh áp lực vốn trở lại

Trong tuần 14 năm 2025 (từ 31 tháng 03 đến 04 tháng 04), NHNN tiếp tục bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng với mức độ mạnh hơn nhằm giảm áp lực đáo hạn từ các hợp đồng repo đã phát hành trong những tuần trước. Cụ thể, NHNN đã bơm ròng 14,24 nghìn tỷ đồng trong tuần này, thông qua việc phát hành 64,20 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua lại, bù đắp cho 49,96 nghìn tỷ đồng repo đáo hạn. Không có tín phiếu nào được sử dụng trong tuần.

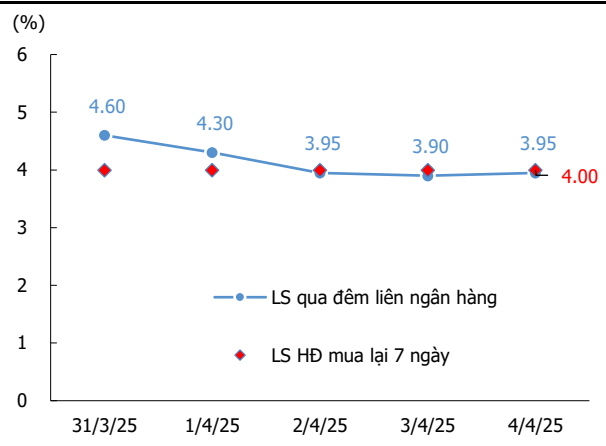
Như đã đề cập ở các tuần trước, NHNN nhiều khả năng sẽ tiếp tục định hướng hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng để góp phần thúc đẩy nền kinh tế và hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm. Điều này được thể hiện rõ qua việc liên tục bơm ròng thanh khoản và giảm thiểu tác động hút vốn từ các biện pháp trước đó. Tuy nhiên, với việc Mỹ chính thức công bố chính sách thuế quan trả đũa, hoạt động thương mại toàn cầu có thể bị ảnh hưởng. Đối với Việt Nam, điều này có thể tạo thêm áp lực lên các doanh nghiệp xuất khẩu và làm suy giảm hiệu quả từ các nỗ lực hỗ trợ kinh tế của NHNN trong thời gian tới.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
31/03/25	8/04/25	8	19.72	4.00
1/04/25	8/04/25	7	5.14	4.00
2/04/25	9/04/25	7	0.22	4.00
3/04/25	10/04/25	7	0.94	4.00
4/04/25	11/04/25	7	5.56	4.00
Tổng			31.58	4.00

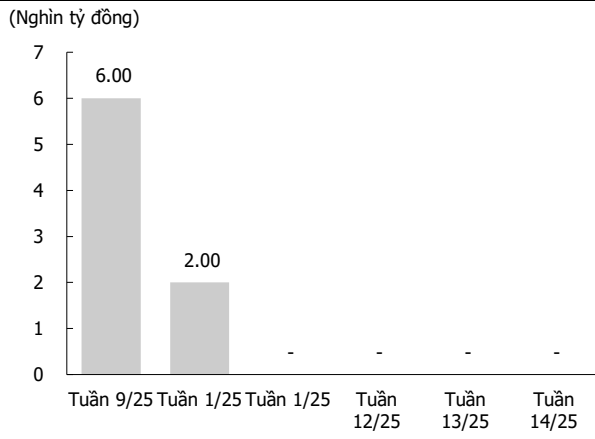
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 14 và 35 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
31/03/25	14/04/25	14	10.33	4.00
1/04/25	15/04/25	14	13.50	4.00
2/04/25	16/04/25	14	1.16	4.00
3/04/25	17/04/25	14	0.80	4.00
4/04/25	18/04/25	14	5.89	4.00
4/04/25	9/05/25	35	0.94	4.00
Tổng			32.62	4.00

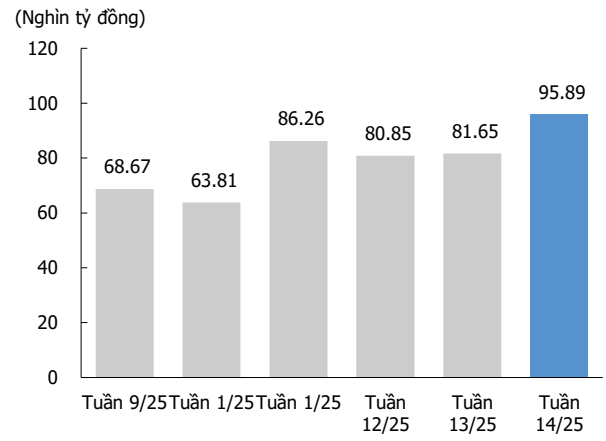
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Tín phiếu đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



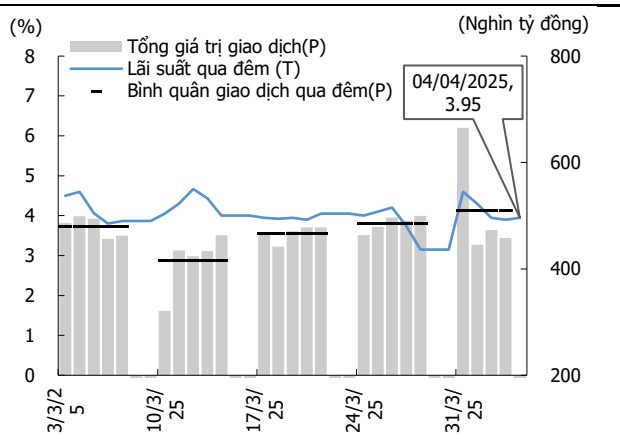
Nguồn: NHNN, KIS

II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở các kỳ hạn ngắn

Lãi suất ở các kỳ hạn dài không đổi, trong khi lãi suất qua đêm tăng mạnh

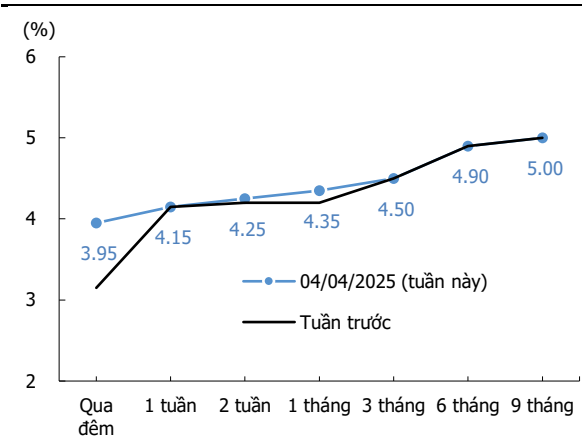
Trong tuần này, đường cong lãi suất liên ngân hàng trở nên phẳng hơn khi lãi suất các kỳ hạn ngắn tăng trong khi các kỳ hạn dài giữ nguyên, kèm theo đó là khối lượng giao dịch tăng so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm (ON), 2 tuần (2W) và 1 tháng (1M) lần lượt tăng 80đcb, 5đcb và 15đcb, lên mức 3,95%, 4,25% và 4,33%, trong khi các kỳ hạn khác không thay đổi. Khối lượng giao dịch trung bình đạt 510,55 nghìn tỷ đồng, tăng 5,10% so với tuần trước. Diễn biến lãi suất liên ngân hàng trong tuần phản ánh áp lực thanh khoản nhẹ trong hệ thống, đặc biệt là kỳ hạn qua đêm tăng vọt vào đầu tuần rồi hạ nhiệt dần vào cuối tuần. Nguyên nhân chủ yếu đến từ lượng lớn hợp đồng repo đáo hạn sau đợt bơm ròng từ NHNN ở tuần trước. Quan điểm của chúng tôi không thay đổi: với giả định rằng NHNN sẽ tiếp tục duy trì các biện pháp hỗ trợ thanh khoản trong những tuần tới, lãi suất liên ngân hàng—đặc biệt là kỳ hạn qua đêm—nhiều khả năng sẽ ổn định quanh mức 4,00%, dù biến động vẫn có thể xảy ra do áp lực đáo hạn từ các hoạt động trên thị trường mở.

Hình 7. Giao dịch liên ngân hàng



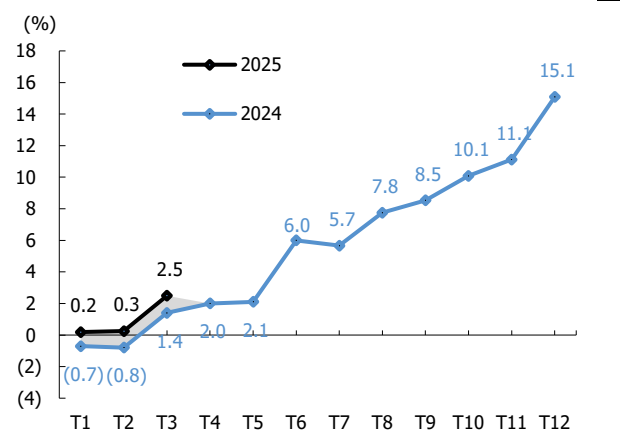
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 8. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

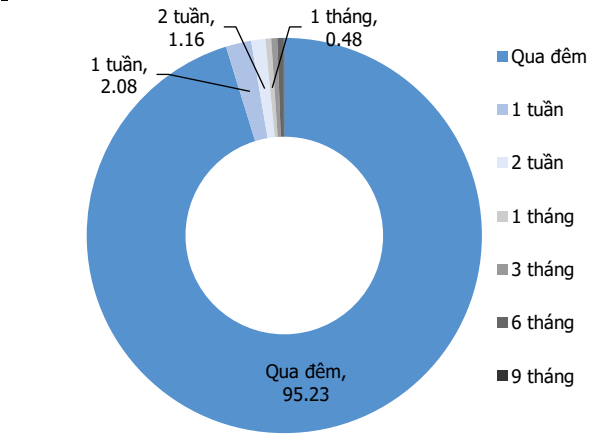
Hình 9. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Ghi chú: Cập nhật đến ngày 25 tháng 3 năm 2025

Hình 10. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



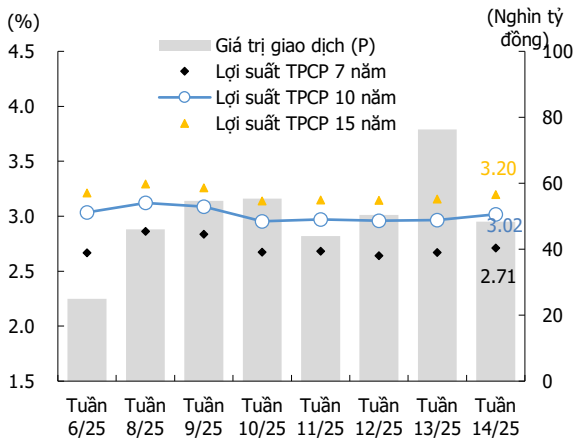
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP tăng trên hầu hết các kỳ hạn

Lợi suất TPCP tăng nhẹ trên nhiều kỳ hạn, trong khi giá trị giao dịch giảm

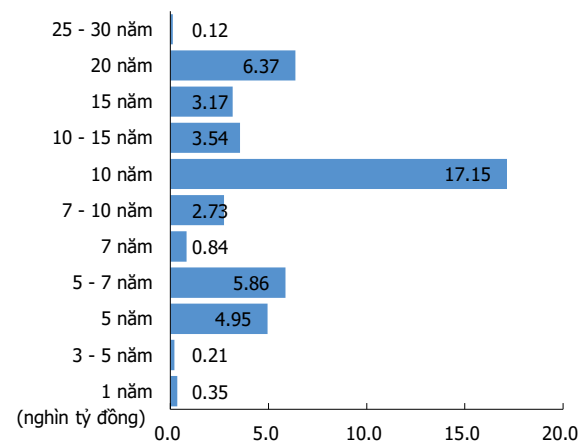
Tổng giá trị giao dịch trong tuần này giảm 36.59% so với tuần trước, với giá trị giao dịch trung bình hàng ngày đạt 9.68 nghìn tỷ đồng. Kỳ hạn 10 năm tiếp tục là kỳ hạn được giao dịch sôi động nhất, đóng góp 17.15 nghìn tỷ đồng, tương đương 35.43% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường trong tuần. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn 1 năm, 2 năm, 3 năm và 4 năm lần lượt tăng 1 đcb, 2 đcb, 1 đcb và 4 đcb, lên mức 2.08%, 2.11%, 2.17% và 2.27%. Bên cạnh đó, lợi suất các kỳ hạn 5 năm, 7 năm, 10 năm và 15 năm cũng tăng lần lượt 7 đcb, 4 đcb, 5 đcb và 4 đcb, lên mức 2.37%, 2.71%, 3.02% và 3.20%.

Hình 11: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



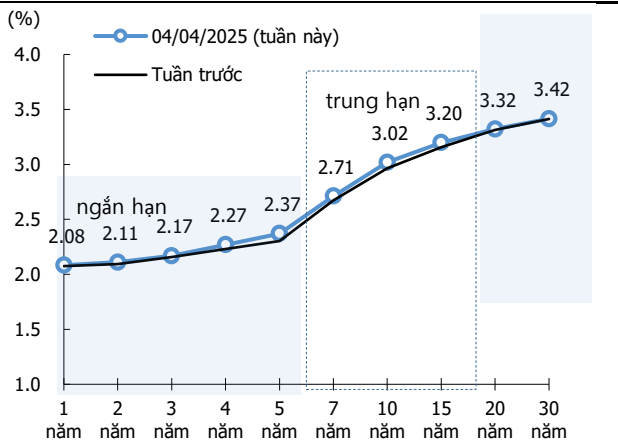
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 12: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



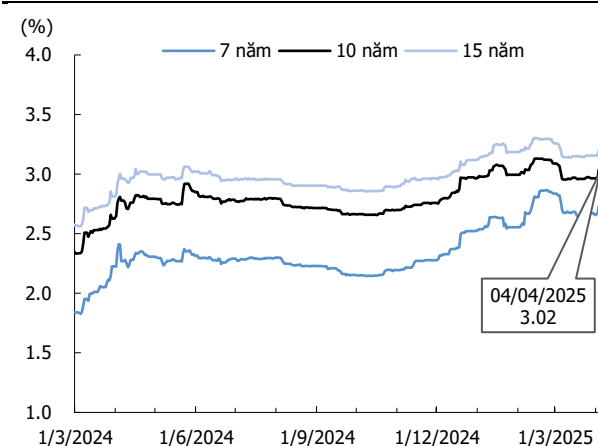
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 13: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

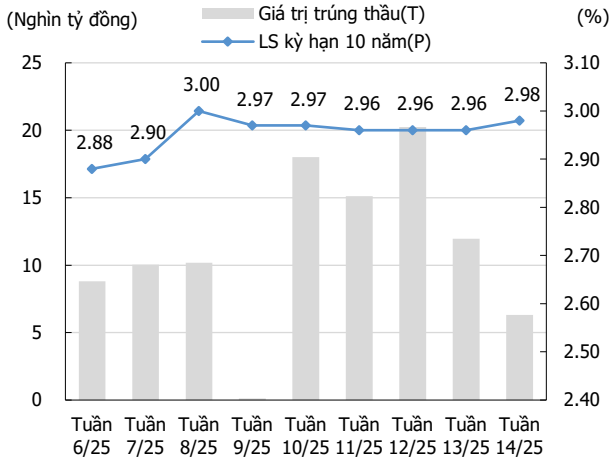
Hình 14: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

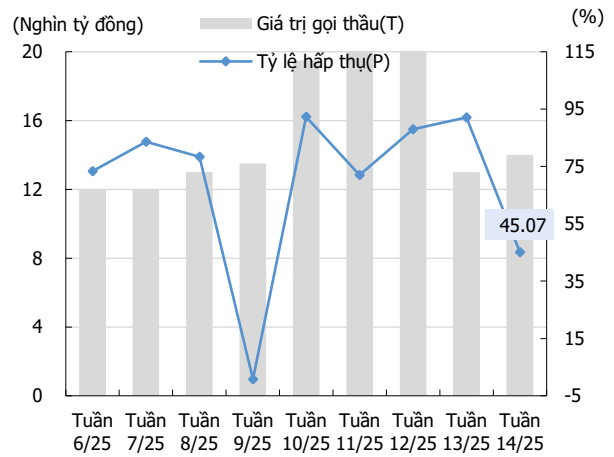
Trên thị trường sơ cấp, tuần 14W25 ghi nhận sự chững lại trong hoạt động phát hành trái phiếu, khi giá trị trúng thầu giảm và lợi suất tăng nhẹ. Cụ thể, KBNN đã phát hành 6.31 nghìn tỷ đồng trong tuần này, giảm 47.3% so với tuần trước. Tính đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 116.75 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 23.4% kế hoạch phát hành cả năm.

Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần



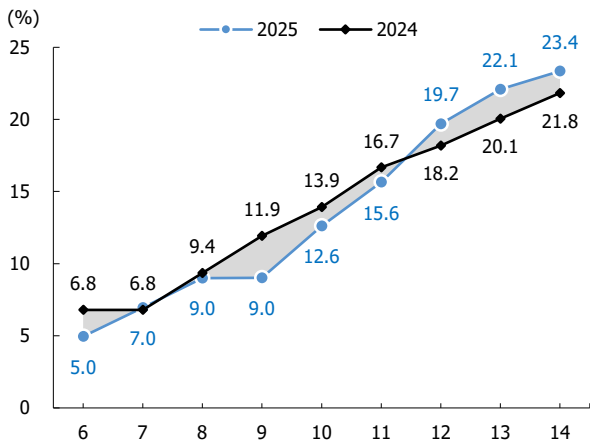
Nguồn: HNX, KIS

Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần



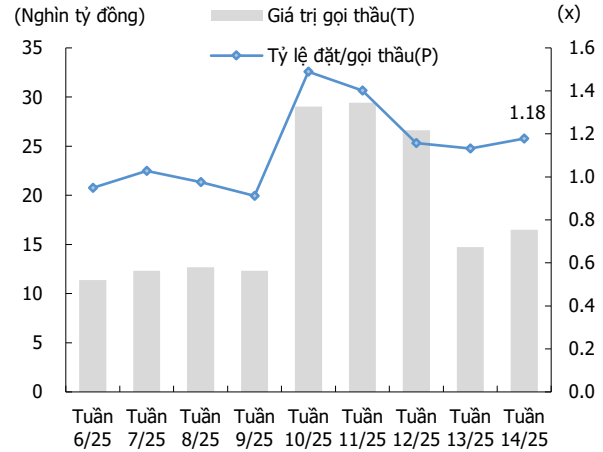
Nguồn: HNX, KIS

Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



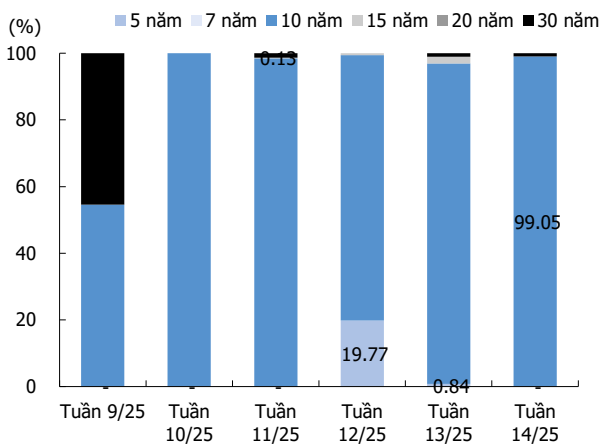
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



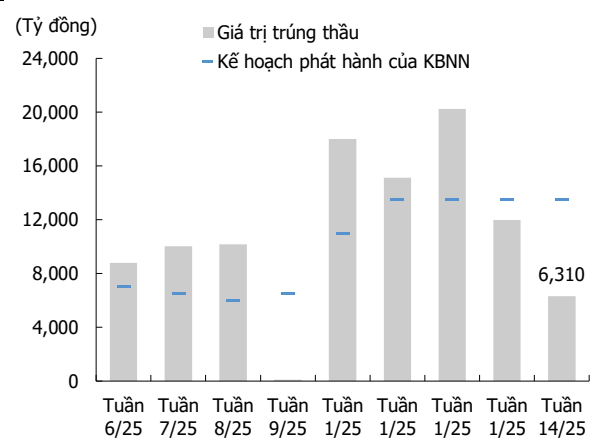
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

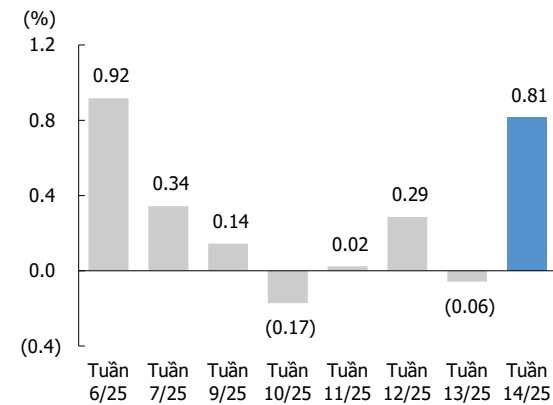
IV. USDVND tăng mạnh

USD suy yếu do loạt biện pháp thuế quan đối ứng được công bố

Trong tuần này, tỷ giá USDVND tăng mạnh trong bối cảnh đồng USD suy yếu. Cụ thể, tỷ giá liên ngân hàng USDVND tăng 0.81% (tương đương 208 điểm phần trăm) so với tuần trước, chốt phiên thứ Sáu ở mức 25,785. Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY tăng trong đầu tuần nhưng đảo chiều giảm về cuối tuần, đóng cửa ở mức 103.0 vào thứ Sáu, giảm 0.98% so với tuần trước. Đồng USD ban đầu tăng giá nhưng quay đầu giảm mạnh sau khi Mỹ công bố áp thuế quan đối ứng lên hơn 180 quốc gia, làm dấy lên lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu. Như đã đề cập trong bài viết "[Reciprocal Tariffs: A Painful Blow](#)", Việt Nam được xem là một trong những đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ các biện pháp thuế quan của Mỹ, qua đó tạo thêm áp lực lên tỷ giá USDVND. Những rủi ro này tiếp tục thúc đẩy làn sóng bán ròng của khối ngoại trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với tổng giá trị bán ròng đạt 8.88 nghìn tỷ đồng, tương đương 6.47% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường trong tuần.

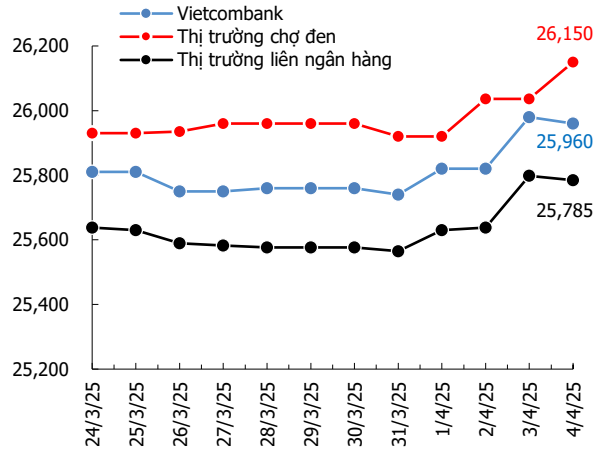
Xét theo diễn biến tỷ giá ở các kênh giao dịch, giá chào bán tại Vietcombank tăng 0.78% (tương đương 200 điểm phần trăm), trong khi thị trường tự do cũng ghi nhận mức tăng 0.73% (tương đương 190 điểm phần trăm) so với tuần trước. Đến thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường tự do lần lượt ở mức 25,960 và 26,150 VND/USD.

Hình 21: Diễn biến của USDVND theo tuần



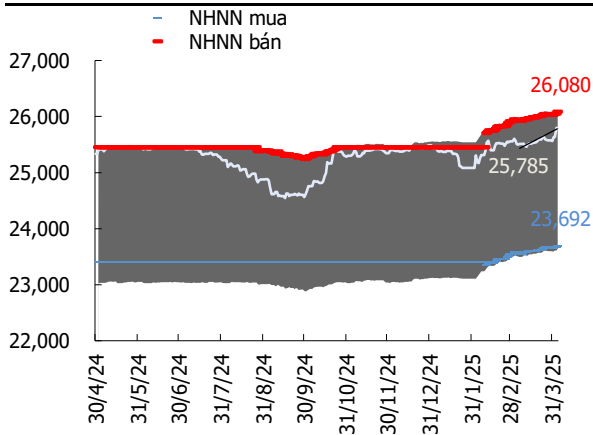
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 22: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



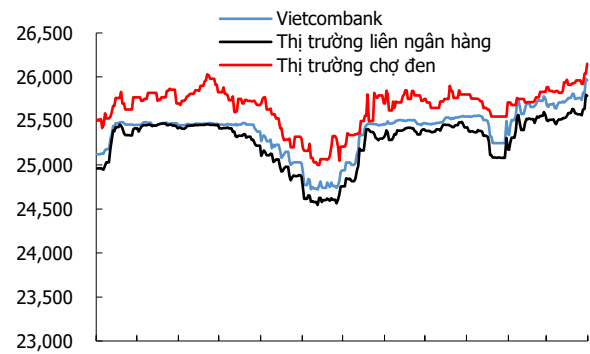
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 23: Diễn biến giao dịch của NHNN



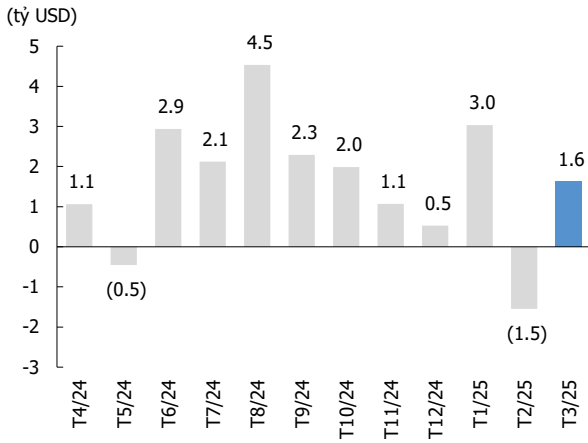
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



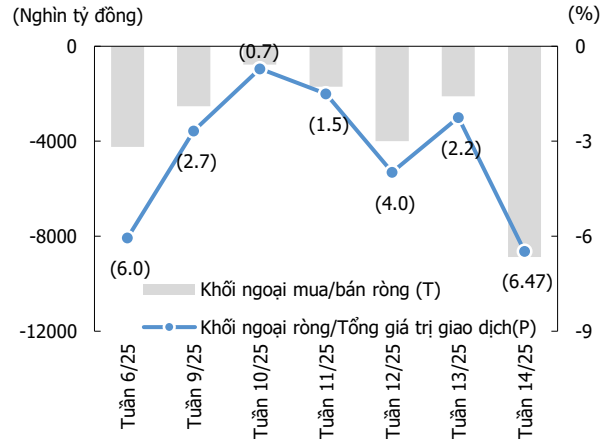
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 25: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



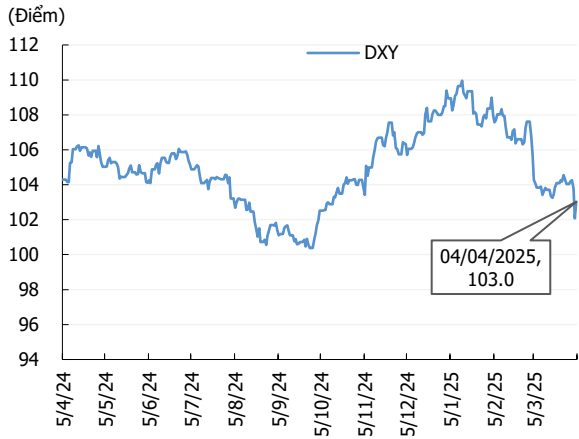
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 6 tháng 4, 2024

Hình 26: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 27: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 28: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

		2024 Thâm hụt thương mại với Mỹ (tỷ USD)	13W25	14W25	2025 YTD
Trung Quốc	-295.40	USDCNY	0.14	0.27	-0.24
EU	-235.57	USDEUR	-0.09	-1.17	-5.49
Mexico	-171.81	USDMXN	0.67	0.34	-1.54
Việt Nam	-123.46	USDVND	-0.06	0.81	1.17
Canada	-73.93	USDCNY	-0.25	-0.66	-1.43
Đài Loan	-68.47	USDTWD	0.32	-0.03	0.64
Nhật Bản	-66.01	USDJPY	0.35	-1.94	-6.53
Hàn Quốc	-64.19	USDKRW	0.25	-0.49	-0.67

Nguồn: NHNN, Bloomberg

Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T11/24	T12/24	T1/25	T2/25	T3/25	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						6.93	7.43	7.55	6.93	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	4.12	6.85	4.34	2.57	4.08	9.01	9.59	13.44	10.98	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.29	2.23	2.22	2.20	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	33.73	35.53	32.15	31.11	38.51	98.2	108.6	105.9	102.84	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	32.67	35.00	30.92	32.66	36.88	94.0	99.7	101.9	99.68	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	8.16	12.85	-4.05	25.67	14.49	13.59	15.82	11.46	10.64	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	9.81	19.23	-2.32	39.99	18.99	20.65	17.19	14.91	17.03	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	2.77	2.94	3.63	2.91	3.13	4.39	3.48	2.87	3.22	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/VND	25,346	25,386	25,082	25,530	25,565	25,458	24,093	25,386	25,565	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	16.6	15.1	16.1	15.7	16.3	15.3	16.1	13.8	16.3	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	2.76	2.94	2.99	3.18	3.06	2.81	2.66	2.94	3.06	2.11	5.08	2.39	2.94

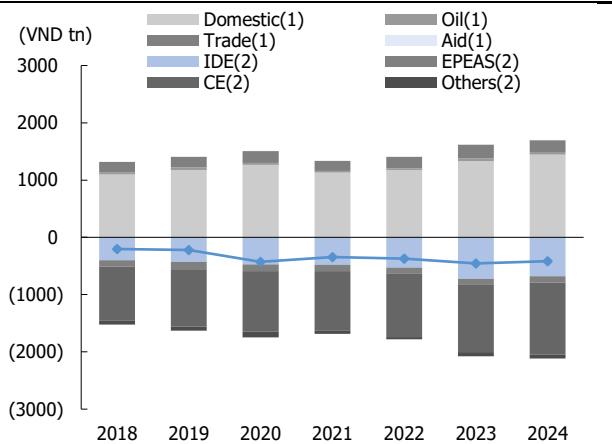
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

**Khái niệm

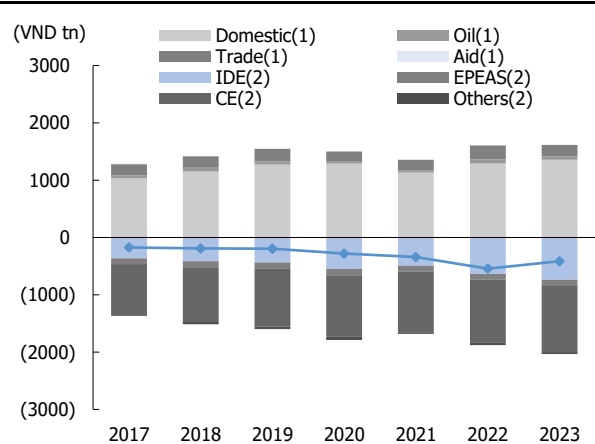
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.98%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 45.07%
- * Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 1.18%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~103.0
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.95%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	2Q24	3Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	4.5	7.8
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	97.9	108.2
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	89.3	94.6
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	8.5	13.6
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.5	5.9
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.3	9.8
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	5.4	6.1
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	3.8	3.9
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.1	1.0
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	(6.3)	(2.7)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	5.0	5.2
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	(0.1)
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(1.6)	(0.8)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	(5.2)	(2.6)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(4.4)	(4.2)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(5.1)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	6.1	(0.1)

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This mua kỳ hạnrt has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This mua kỳ hạnrt is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this mua kỳ hạnrt and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this mua kỳ hạnrt or its contents. This mua kỳ hạnrt is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this mua kỳ hạnrt may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.